|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn: 23/2/2025 |  Sĩ số HS |  Điều chỉnh | Ngày 24/2/2025 Phê duyệt kế hoạch Cao Phương Thảo |
| Ngày giảng: |
| 7A1 | Ngày 26/2 |  |  |
| 7A2 | Ngày 27/2 |  |  |
| 7A3 | Ngày 26/2 |  |  |
| 7A4 | Ngày 1/3 |  |   |

**Tiết 32****CHƯƠNG 4: CHÂU MỸ** **BÀI 13. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI CHÂU MỸ.** **SỰ PHÁT KIẾN RA CHÂU MỸ****I. MỤC TIÊU** **1. Về kiến thức**- Trình bày được khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.- Phân tích được các hệ quả địa lí - lịch sử của việc Cri-xtô phơ Cô-lôm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 - 1502).**2. Về năng lực**- Năng lực chung: + Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện các nhiệm vụ của bài học; Khai thác, chọn lọc, thu thập được tư liệu từ các nguồn khác nhau về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. Sự phát kiến ra châu Mỹ.+ Năng lực giao tiếp, hợp tác: Sử dụng ngôn ngữ, kết hợp với các công cụ học tập để trình bày thông tin, thảo luận cặp đôi (tìm hiểu hiệu trí địa lí, hình dạng kích thước của châu Mỹ) và hoạt động nhóm.+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề thực tiễn. - Năng lực đặc thù: + Năng lực nhận thức Địa lí: Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian (xác định vị trí, hình dạng, kích thước của châu Mỹ).+ Năng lực tìm hiểu Địa lí: Sử dụng công cụ Địa lí để tìm hiểu về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên châu Mỹ:* Bản đồ tự nhiên châu Mỹ.
* Hình ảnh về châu Mỹ.

+ Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng Địa lí vào cuộc sống.**3. Về phẩm chất** - Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, niềm đam mê học hỏi, khám phá miền đất mới.- Chăm chỉ: tìm hiểu kiến thức trên internet phục vụ cho học tập, yêu khoa học, ham học hỏi, tìm tòi. **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Chuẩn bị của giáo viên**- Máy tính -- Bản đồ thế giới.- Bản đồ tự nhiên châu Mỹ.- Lược đồ hành trình đến châu Mỹ của Cô-lôm-bô (Có trong máy tính).- Giấy A4, bút dạ, bút màu.**2. Chuẩn bị của học sinh**- Sưu tầm tranh ảnh, số liệu, thông tin về châu Mỹ.- Sách giáo khoa địa lí 7.- Máy tính bỏ túi, bút màu, bút dạ.- Thiết bị điện tử có kết nối Internet (nếu có).**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (Khoảng 3 phút)****a) Mục tiêu:** Gợi mở và kết nối kiến thức, tạo hứng thú để học sinh muốn tìm hiểu về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ. Sự phát kiến ra châu Mỹ.**b) Nội dung:** HS tham gia trò chơi***. Ai nhanh hơn***- HS kể tên quốc gia thuộc châu Mỹ.**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS**d) Tổ chức thực hiện:** **\*Vào bài:** GV choh/s quan sát hai bức ảnh **Tổng Thống Mỹ và bức tượng Nữ Thần Tự Do** yêu cầu h/s nêu tên của hai bức ảnhđó ở đâu và thuộc châu lục nào ?

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
|  **- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:** - **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ dẫn của giáo viên trong thời gian 2 phút.**- Bước 3: GV tổ chức báo cáo, thảo luận:** **- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.*Châu Mỹ là vùng đất rộng lớn nằm tách biệt với các chầu lục khác, vì thế mãi đến cuối thế kỉ XV, với cuộc thám hiểm của Cri xtô-phơ Cô lôm-bô (C. Cô-lôm-bô), châu lục này mới được tìm ra. Vị trí địa lí châu Mỹ có gì đặc biệt? Việc tìm ra châu Mỹ có ý nghĩa như thế nào?* |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (Khoảng 35 phút)****Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vị trí địa lí và phạm vi châu Mĩ****a)** **Mục tiêu:** - Trình bày được khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ.- Biết sử dụng bản đổ tự nhiên chầu Mỹ để xác định vị trí và phạm vi.- Xác định được trên bản đổ các đại dương tiếp giáp với châu Mỹ.**b) Nội dung:** dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1: cho biết châu Mỹ tiếp giáp những đại dương nào? Xác định vị trí, phạm vi châu Mỹ.Chia lớp thành 6 nhóm. Đánh số thứ tự HS trong nhóm.Nhiệm vụ: Thành viên trong nhóm dựa vào sự hiểu biết và kênh chữ (sgk) Hoàn thành phiếu học tập **c) Sản phẩm:** Học sinh hoàn thành tìm hiểu kiến thức:**1. Vị trí địa lí và phạm vi**- Diện tích: 42 triệu Km2, lớn thứ 2 trên thế giới, sau châu Á.- Tiếp giáp: Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.- Lãnh thổ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, kéo dài từ vùng cực Bắc đến tận vùng cực Nam.**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **- Bước 1:** GV sắp xếp các cặp đôi (có thể để HS tự chọn cặp đôi), đánh số thứ tự và chuyển giao nhiệm vụ:- Chia lớp thành 6 nhóm, đánh số thứ tự HS trong mỗi nhóm.- Thời gian thảo luận: 5 phút- Nhiệm vụ: Dựa vào thông tin trong mục 1 và hình 1, hãy: GV: Phát phiếu + Cho biết châu Mỹ tiếp giáp những đại dương nào.+ Xác định vị trí, phạm vi châu Mỹ.- GV nêu câu hỏi ngẫu nhiên các số thứ tự HS của mỗi nhóm trả lời. Nhóm nào có HS trả lời nhanh hơn, đúng hơn sẽ ghi điểm.**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** + Học sinh thảo luận nhóm thực hiện nhiệm vụ.+ Giáo viên hỗ trợ giúp đỡ học sinh thực hiện nhiệm vụ. **- Bước 3: Tổ chức báo cáo, thảo luận:** - HS của mỗi nhóm trả lời. - Nhóm khác nhận xét- Nhóm nào có HS trả lời nhanh hơn, đúng hơn sẽ ghi điểm.**- Bước 4: Kết luận, nhận định**+ GV nhận xét chung cả lớp.+ GV chốt lại một số kiến thức cơ bản, chiếu nội dung kiến thức cần ghi vở.GV cho h/s quan sát bản đồ TN Châu Mĩ -Yêu cầu h/s xác định kênh đào Pa-Na- Ma trên bản đồ+ GV mở rộng: ***Kênh đào Pa-na-ma*** *dài 64 km, được khởi công lẩn đầu nàm 1882 bởi người Pháp. Nàm 1904, Hoa Kỳ đã tiến hành đào lại kênh Pa-na-ma và hoàn thành vào năm 1914. Năm 1920, kênh Pa-na ma được đưa vào sử dụng.*GV: Dựa vào hình ảnh trên màn hình và sự hiểu biết của em hãy nêu ý nghĩa của kênh đào Pa- Na- Ma ?+ GV nhận xét chung cả lớp.+ GV chốt lại một số kiến thức cơ bản, chiếu nội dung kiến thức cần ghi vở.***Kênh đào Pa-na ma*** *trở thành con đường giao thông quốc tế quan trọng nối liền Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. Nếu không có kênh đào Pa-na-ma thì khi đi từ Thái Bình Dương sang Đại Tây Dương và ngược lại phải mất hơn 12 000 km và chi phí gấp 10 lần chi phí qua kênh đào. Ví dụ như đi từ Niu Oóc đến Xan Phran-xi-xcô nếu vòng qua Nam Mỹ, chiều dài quãng đường là trên 20 900 km, nhưng qua kênh đào thì chỉ còn 8 370 km. Mỗi năm có khoảng 15 000 chiếc làu thuyền qua lại kênh đào này (42 chuyến/ngày).* | **1. Vị trí địa lí và phạm vi**- Diện tích: 42 triệu Km2- Tiếp giáp: Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.- Gồm 2 lục địa Bắc Mĩ và Nam Mĩ nối với nhau bởi eo đất Trung Mĩ có kênh đào PA-NA-Ma cắt ngang.- Lãnh thổ nằm hoàn toàn ở bán cầu Tây, kéo dài từ vùng cực Bắc đến tận vùng cực Nam.**Giá Trị của kênh đào:****-**Kênh đào Pa-Na- Ma rút ngắn quãng đường từ ĐTD sang TBD và ngược lại.- Giảm chi phí và thời gian vận chuyển. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ****a) Mục tiêu:** Phân tích được các hệ quả địa lí - lịch sử của việc Cri-xtô-phơ Cô-lnm-bô phát kiến ra châu Mỹ (1492 - 1502).**b) Nội dung:** Dựa vào nội dung mục 2, hãy đặt 6 câu hỏi liên quan đến chủ đề “Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát hiện ra châu Mỹ” theo kĩ thuật 5W1H.**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:**2. Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ****-** Tìm ra một châu lục mới.- Mở ra một thời kì khám phá và chinh phục thế giới.- Sau khi tìm ra chầu Mỹ, người châu Âu bắt đầu sang xâm chiếm và khai phá châu Mỹ, khai thác nguyên liệu, khoáng sán và xây dựng nền văn hoa phương Tây tại châu Mỹ.- Đẩy nhanh quá trình di dân lừ các châu lục khác đến châu Mỹ.**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **- Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** Hoạt động nhóm (Cặp đôi )Nhiệm vụ: Dựa vào nội dung mục 2, hãy đặt 6 câu hỏi liên quan đến chủ đề “Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát hiện ra châu Mỹ” theo kĩ thuật 5W1H.Thời gian thảo luận: 4 phútSau khi thảo luận xong, nhóm sẽ chuyển câu hỏi cho nhóm khác. Nhóm nào đưa ra câu hỏi hay và trả lời đúng nhiều nhất sẽ chiến thắng**- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận. Giáo viên hỗ trợ giúp đỡ học sinh thực hiện nhiệm vụ. **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận (5 phút):** **+** Giáo viên mời đại diện nhóm ( Cặp đôi)lên trình bày sản phẩm. + Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.+ Lưu ý: GV nên gọi ngẫu nhiên HS theo số để đảm bảo HS nào cũng cần duy trì sự tập trung và tham gia thảo luận: Ví dụ HS cặp số 1 , 2 trình bày, cặp số 3,4… nhận xét, bổ sung, …).+ GV mở rộng kiến thức: *Sáng sớm ngày 12/10/1492, trên cuộc hành trình đi tìm Ấn Ðộ bằng đường biển, nhà hàng hải Christopher Columbus đã khám phá ra Châu Mỹ, miền đất chưa ai biết đến. Ðây là một sự kiện lịch sử, mở đầu cho việc tìm hiểu Tân thế giới và dẫn tới việc phổ biến nền văn minh tây phương trên lục địa này.**- Từ phát hiện rất tình cờ của Christopher Columbus, một kỷ nguyên xâm chiếm và khai phá vùng đất mới bắt đầu. Mọi vấn đề khó khăn của Châu Âu lúc bấy giờ đã được giải quyết. Vấn đề dân số ngày càng tăng không còn đáng lo ngại; nguồn nguyên vật liệu, khoáng sản giàu có của châu Mỹ cũng khiến nền kinh tế Châu Âu thay đổi lớn. Bên cạnh đó, sự thành công trong việc thiết lập văn hóa Âu Châu trên vùng đất mới của ông cũng là một nỗ lực đáng kể.***- Bước 4: Đánh giá:** Giáo viên nhận xét, đánh giá, xếp hạng về việc thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, chốt lại một số kiến thức cơ bản. | **2. Hệ quả địa lí – lịch sử của việc phát kiến ra châu Mỹ****-** Tìm ra một châu lục mới.- Mở ra một thời kì khám phá và chinh phục thế giới.- Sau khi tìm ra chầu Mỹ, người châu Âu bắt đầu sang xâm chiếm và khai phá châu Mỹ, khai thác nguyên liệu, khoáng sán và xây dựng nền văn hoa phương Tây tại châu Mỹ.- Đẩy nhanh quá trình di dân từ các châu lục khác đến châu Mỹ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP** (Khoảng 3 phút)**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức về vị trí địa lí và đặc điểm tự nhiên của châu Âu, rèn luyện năng lực hợp tác, trung thực, giao tiếp của học sinh.**b) Nội dung:** BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM: ***Lựa chọn đáp án đúng*****- Bước 4: Kết luận:** GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và tổng kết bài học. |